

STT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Vị trí dự tuyển	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Đối tượng ưu tiên	Điểm bài thi viết	Điểm ưu tiên	Tổng điểm	Kết quả
1	GV0210	Nguyễn Thị Mỹ Linh	09/09/1998	Toán học	THPT Ba Vì		62.0		62.0	Trúng tuyển
2	GV1381	Nguyễn Thị Quỳnh Anh	21/02/1999	Sinh học	THPT Bắc Lương Sơn		69.0		69.0	Trúng tuyển
3	GV0313	Nguyễn Thị Nhung	29/08/1991	Toán học	THPT Bắc Lương Sơn	5 - Dân tộc thiểu số	67.5	5.0	72.5	Trúng tuyển
4	GV0066	Lê Thị Dung	23/01/1995	Toán học	THPT Bắc Lương Sơn		70.0		70.0	Trúng tuyển
5	GV0631	Phùng Thị Hà	08/07/1993	Vật lý	THPT Bắc Lương Sơn		72.5		72.5	Trúng tuyển
6	GV0945	Nguyễn Thị Thủy	19/08/1999	Âm nhạc	THPT Cao Bá Quát - Quốc Oai		72.0		72.0	Trúng tuyển
7	GV0776	Đỗ Duy Quân	03/08/1998	Địa lý	THPT Cao Bá Quát - Quốc Oai		71.0		71.0	Trúng tuyển
8	GV0895	Nguyễn Thị Hiền	19/01/1997	Giáo dục Kinh tế - Pháp luật	THPT Cao Bá Quát - Quốc Oai		70.0		70.0	Trúng tuyển
9	GV1036	Dương Thị Vân	03/01/1992	Lịch sử	THPT Cao Bá Quát - Quốc Oai		75.5		75.5	Trúng tuyển
10	GV1132	Tạ Thị Thu Hiền	05/11/1999	Ngữ văn	THPT Cao Bá Quát - Quốc Oai		78.5		78.5	Trúng tuyển
11	GV1288	Nguyễn Thị Phương	13/08/1992	Ngữ văn	THPT Cao Bá Quát - Quốc Oai		76.0		76.0	Trúng tuyển
12	GV0258	Nguyễn Thị Mai	08/03/1999	Toán học	THPT Cao Bá Quát - Quốc Oai		78.0		78.0	Trúng tuyển
13	GV0722	Bùi Thị Thủy	08/11/1993	Vật lý	THPT Cao Bá Quát - Quốc Oai		87.0		87.0	Trúng tuyển
14	GV0883	Hà Thị Yên	04/09/1992	Mỹ thuật	THPT Chu Văn An	5 - Dân tộc thiểu số	80.5	5.0	85.5	Trúng tuyển
15	GV1451	Trịnh Mai Anh	06/01/1999	Tiếng Anh	THPT Chu Văn An		82.0		82.0	Trúng tuyển
16	NV1723	Ngô Minh Thắng	14/12/1995	Văn thư	THPT Chu Văn An		62.5		62.5	Trúng tuyển
17	GV0943	Đặng Thị Tâm	05/01/1997	Âm nhạc	THPT Chúc Động		74.0		74.0	Trúng tuyển
18	GV0917	Nguyễn Thị Thoa	10/09/1995	Giáo dục Kinh tế - Pháp luật	THPT Chúc Động		67.5		67.5	Trúng tuyển
19	GV0796	Nguyễn Kim Đồng	20/03/1995	Giáo dục thể chất	THPT Chúc Động		70.3		70.3	Trúng tuyển
20	GV0806	Nguyễn Hữu Nam	07/07/1997	Giáo dục thể chất	THPT Chúc Động		66.5		66.5	Trúng tuyển
21	GV0979	Đặng Minh Hải	20/01/2001	Lịch sử	THPT Chúc Động		66.0		66.0	Trúng tuyển
22	GV1227	Hà Khánh Ly	20/07/1999	Ngữ văn	THPT Chúc Động		74.0		74.0	Trúng tuyển
23	GV1182	Nguyễn Khánh Huyền	21/08/1998	Ngữ văn	THPT Chúc Động		65.0		65.0	Trúng tuyển
24	GV0983	Trần Thị Phương Hiền	08/11/1996	Lịch sử	THPT Chương Mỹ B		59.5		59.5	Trúng tuyển
25	GV1097	Phạm Thị Giang	13/06/1991	Ngữ văn	THPT Chương Mỹ B		56.5		56.5	Trúng tuyển
26	GV1547	Lê Hoàng Kim Khuê	06/11/1995	Tiếng Anh	THPT Chuyên Hà Nội - Amsterdam		66.5		66.5	Trúng tuyển
27	GV1517	Nguyễn Thu Hiền	05/04/2001	Tiếng Anh	THPT Chuyên Hà Nội - Amsterdam		66.0		66.0	Trúng tuyển
28	GV1541	Nguyễn Khánh Huyền	02/09/1999	Tiếng Anh	THPT Chuyên Nguyễn Huệ		79.0		79.0	Trúng tuyển
29	GV0956	Nguyễn Thị Lan Hương	26/10/1997	Công nghệ_KTCN	THPT Cổ Loa		74.0		74.0	Trúng tuyển
30	GV0881	Đào Thị Minh Trang	03/07/2000	Mỹ thuật	THPT Cổ Loa		57.0		57.0	Trúng tuyển
31	GV1444	Lê Thị Thanh Thảo	09/05/1990	Tin học	THPT Cổ Loa		80.0		80.0	Trúng tuyển

STT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Vị trí dự tuyển	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Đối tượng ưu tiên	Điểm bài thi viết	Điểm ưu tiên	Tổng điểm	Kết quả
32	GV0855	Nguyễn Thị Hồng Vân	18/06/1997	Giáo dục Quốc phòng - An ninh	THPT Đa Phúc		79.5		79.5	Trúng tuyển
33	GV1014	Mai Lan Phương	11/11/1999	Lịch sử	THPT Đại Cường		60.0		60.0	Trúng tuyển
34	GV0101	Nguyễn Thị Hằng	06/10/1989	Toán học	THPT Đại Cường		68.5		68.5	Trúng tuyển
35	GV0931	Nguyễn Thị Hương	10/01/1988	Âm nhạc	THPT Đại Mỗ		72.0		72.0	Trúng tuyển
36	GV0875	Trần Thị Nga	03/09/1992	Mỹ thuật	THPT Đại Mỗ		50.0		50.0	Trúng tuyển
37	GV1047	Trần Nguyệt Anh	12/10/1994	Ngữ văn	THPT Đại Mỗ		77.0		77.0	Trúng tuyển
38	GV1308	Hoàng Hương Thảo	29/04/2000	Ngữ văn	THPT Đại Mỗ		74.0		74.0	Trúng tuyển
39	GV0143	Phạm Thị Huế	27/10/1994	Toán học	THPT Đại Mỗ	11 - Con bệnh binh	71.0	5.0	76.0	Trúng tuyển
40	GV0928	Đỗ Thị Hồng Hạnh	06/07/1998	Âm nhạc	THPT Đan Phượng		61.5		61.5	Trúng tuyển
41	GV0882	Vũ Thanh Tuyền	20/04/1989	Mỹ thuật	THPT Đan Phượng		59.0		59.0	Trúng tuyển
42	GV1166	Nguyễn Thị Hương	17/03/1989	Ngữ văn	THPT Đan Phượng		80.0		80.0	Trúng tuyển
43	GV1345	Phùng Thị Thuyết	12/10/1989	Ngữ văn	THPT Đan Phượng		72.0		72.0	Trúng tuyển
44	GV0867	Nguyễn Thị Thanh Hằng	05/07/1996	Mỹ thuật	THPT Đoàn Kết - Hai Bà Trưng		52.0		52.0	Trúng tuyển
45	GV0753	Trần Thị Hằng	03/04/1997	Địa lý	THPT Đông Mỹ		78.0		78.0	Trúng tuyển
46	GV1007	Nguyễn Thị Nga	26/02/1987	Lịch sử	THPT Đông Mỹ		71.5		71.5	Trúng tuyển
47	GV0997	Dương Thị Lan	10/11/1996	Lịch sử	THPT Đông Mỹ		66.5		66.5	Trúng tuyển
48	GV1235	Đinh Thị Ngọc Mai	25/07/1999	Ngữ văn	THPT Đông Mỹ		72.0		72.0	Trúng tuyển
49	GV1259	Lê Thị Thanh Nhân	29/03/1997	Ngữ văn	THPT Đông Mỹ		68.0		68.0	Trúng tuyển
50	GV1428	Nguyễn Thị Lê Thùy	04/09/1998	Sinh học	THPT Đông Mỹ		63.0		63.0	Trúng tuyển
51	GV1542	Vũ Thị Huyền	06/04/1995	Tiếng Anh	THPT Đông Mỹ		72.5		72.5	Trúng tuyển
52	GV1627	Hoàng Thùy Phương	26/04/1988	Tiếng Anh	THPT Đông Mỹ		71.5		71.5	Trúng tuyển
53	GV1656	Trần Thị Phương Thúy	31/10/1988	Tiếng Anh	THPT Đông Mỹ		62.5		62.5	Trúng tuyển
54	GV1443	Phạm Thị Hồng Nhung	13/09/1980	Tin học	THPT Đông Mỹ		65.0		65.0	Trúng tuyển
55	GV0028	Nguyễn Thị Ánh	13/02/2000	Toán học	THPT Đông Mỹ		76.0		76.0	Trúng tuyển
56	GV0039	Nguyễn Thị Linh Chi	15/06/1995	Toán học	THPT Đông Mỹ		76.0		76.0	Trúng tuyển
57	GV1119	Nguyễn Thúy Hạnh	29/06/1999	Ngữ văn	THPT Dương Xá		65.0		65.0	Trúng tuyển
58	GV1648	Lê Thị Thu	09/03/1999	Tiếng Anh	THPT Dương Xá		60.5		60.5	Trúng tuyển
59	GV0866	Kiều Cao Hà	25/07/1986	Mỹ thuật	THPT Hai Bà Trưng - Thạch Thát		80.5		80.5	Trúng tuyển
60	GV0963	Nguyễn Văn Ôn	20/08/1991	Công nghệ_KTNN	THPT Hoài Đức C		70.3		70.3	Trúng tuyển
61	GV0744	Đỗ Thị Việt Chinh	21/08/1996	Địa lý	THPT Hoài Đức C		66.0		66.0	Trúng tuyển
62	GV0911	Nguyễn Thị Tuyết Nhung	21/10/1995	Giáo dục Kinh tế - Pháp luật	THPT Hoài Đức C		66.5		66.5	Trúng tuyển
63	GV0907	Nguyễn Thị Tuyết Mai	17/06/2001	Giáo dục Kinh tế - Pháp luật	THPT Hoài Đức C	5 - Dân tộc thiểu số	54.0	5.0	59.0	Trúng tuyển
64	GV0856	Phạm Khánh Vân	22/01/1999	Giáo dục Quốc phòng - An ninh	THPT Hoài Đức C	5 - Dân tộc thiểu số	76.0	5.0	81.0	Trúng tuyển
65	GV0854	Bùi Thanh Tú	03/10/1997	Giáo dục Quốc phòng - An ninh	THPT Hoài Đức C	5 - Dân tộc thiểu số	73.0	5.0	78.0	Trúng tuyển

STT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Vị trí dự tuyển	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Đối tượng ưu tiên	Điểm bài thi viết	Điểm ưu tiên	Tổng điểm	Kết quả
66	GV1207	Bùi Thị Linh	15/10/1996	Ngữ văn	THPT Hoài Đức C		76.0		76.0	Trúng tuyển
67	GV1145	Hoàng Thị Hoa	14/06/1990	Ngữ văn	THPT Hoài Đức C		70.0		70.0	Trúng tuyển
68	GV1161	Chu Thị Hưng	15/10/2001	Ngữ văn	THPT Hoài Đức C		67.0		67.0	Trúng tuyển
69	GV1292	Nguyễn Thuý Quỳnh	12/02/1999	Ngữ văn	THPT Hoài Đức C		67.0		67.0	Trúng tuyển
70	GV1289	Cao Bích Phượng	13/01/2000	Ngữ văn	THPT Hoài Đức C		66.5		66.5	Trúng tuyển
71	NV1714	Nguyễn Thị Thủy	09/04/1988	Thư viện	THPT Hoài Đức C		72.0		72.0	Trúng tuyển
72	GV1633	Đỗ Thị Quyên	10/08/1999	Tiếng Anh	THPT Hoài Đức C		76.5		76.5	Trúng tuyển
73	GV1585	Lê Thị Mai	04/05/1993	Tiếng Anh	THPT Hoài Đức C		74.0		74.0	Trúng tuyển
74	GV0260	Nguyễn Thị Phương Mai	02/11/1997	Toán học	THPT Hoài Đức C		81.0		81.0	Trúng tuyển
75	GV0428	Nguyễn Thị Thùy Trang	20/12/1994	Toán học	THPT Hoài Đức C		78.0		78.0	Trúng tuyển
76	GV0315	Ngô Thị Nhung	21/09/1996	Toán học	THPT Hoài Đức C		77.5		77.5	Trúng tuyển
77	GV0262	Nguyễn Thị Mai	26/08/1994	Toán học	THPT Hoài Đức C		74.5		74.5	Trúng tuyển
78	GV0336	Hoàng Bích Phương	19/12/1999	Toán học	THPT Hoài Đức C		74.5		74.5	Trúng tuyển
79	GV0624	Hà Thị Dịu	02/09/1996	Vật lý	THPT Hoài Đức C		86.0		86.0	Trúng tuyển
80	GV0900	Nguyễn Thị Huyền	14/08/1993	Giáo dục Kinh tế - Pháp luật	THPT Hoàng Cầu		63.0		63.0	Trúng tuyển
81	GV0858	Vũ Hải Yến	30/06/1997	Giáo dục Quốc phòng - An ninh	THPT Hoàng Cầu		81.0		81.0	Trúng tuyển
82	GV0565	Phạm Thị Phương	04/10/1986	Hóa học	THPT Hoàng Cầu	10 - Con Thương Binh	79.8	5.0	84.8	Trúng tuyển
83	GV0666	Nguyễn Thị Lan	29/11/1989	Vật lý	THPT Hoàng Cầu		81.5		81.5	Trúng tuyển
84	GV1425	Lê Thị Thu	24/06/1997	Sinh học	THPT Hồng Thái		82.0		82.0	Trúng tuyển
85	GV1186	Đinh Thị Huyền	24/07/1993	Ngữ văn	THPT Hợp Thanh		65.0		65.0	Trúng tuyển
86	GV0962	Dương Thị Hiền	30/11/1996	Công nghệ_KTNN	THPT Khương Đình		73.5		73.5	Trúng tuyển
87	GV0756	Nguyễn Thị Thu Hiền	15/03/1992	Địa lý	THPT Khương Đình		79.0		79.0	Trúng tuyển
88	GV0777	Đào Thị Như Quỳnh	20/09/1990	Địa lý	THPT Khương Đình		74.0		74.0	Trúng tuyển
89	GV0897	Phạm Thị Kim Huệ	30/09/1987	Giáo dục Kinh tế - Pháp luật	THPT Khương Đình		63.0		63.0	Trúng tuyển
90	GV0886	Chu Thị Văn Anh	18/02/1993	Giáo dục Kinh tế - Pháp luật	THPT Khương Đình	5 - Dân tộc thiểu số	52.5	5.0	57.5	Trúng tuyển
91	GV0843	Phạm Thị Phượng	08/06/1998	Giáo dục Quốc phòng - An ninh	THPT Khương Đình		67.0		67.0	Trúng tuyển
92	GV0794	Đỗ Thành Đạt	10/01/1999	Giáo dục thể chất	THPT Khương Đình		80.3		80.3	Trúng tuyển
93	GV0803	Nguyễn Thị Hương	30/08/1997	Giáo dục thể chất	THPT Khương Đình		61.0		61.0	Trúng tuyển
94	GV0789	Lê Công Anh	02/05/2001	Giáo dục thể chất	THPT Khương Đình		57.0		57.0	Trúng tuyển
95	GV1002	Nguyễn Thị Lôi	16/05/1985	Lịch sử	THPT Khương Đình		69.5		69.5	Trúng tuyển
96	GV1005	Nguyễn Văn Mạnh	05/09/2000	Lịch sử	THPT Khương Đình		69.5		69.5	Trúng tuyển
97	GV0862	Tạ Linh Chi	04/12/1996	Mỹ thuật	THPT Khương Đình		78.0		78.0	Trúng tuyển
98	GV1277	Nguyễn Kiều Oanh	10/05/1991	Ngữ văn	THPT Khương Đình		83.0		83.0	Trúng tuyển
99	GV1325	Dương Thị Thu	27/08/1989	Ngữ văn	THPT Khương Đình		81.0		81.0	Trúng tuyển

STT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Vị trí dự tuyển	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Đối tượng ưu tiên	Điểm bài thi viết	Điểm ưu tiên	Tổng điểm	Kết quả
100	GV1355	Nguyễn Quỳnh Trang	14/02/1998	Ngữ văn	THPT Khương Đình		80.0		80.0	Trúng tuyển
101	GV1106	Nguyễn Hồng Hà	01/02/1996	Ngữ văn	THPT Khương Đình		79.0		79.0	Trúng tuyển
102	GV1670	Nguyễn Hà Trang	03/09/1998	Tiếng Anh	THPT Khương Đình		80.0		80.0	Trúng tuyển
103	GV1455	Hoàng Thị Vân Anh	01/03/1999	Tiếng Anh	THPT Khương Đình		76.0		76.0	Trúng tuyển
104	GV1621	Nguyễn Thảo Nhung	23/01/1998	Tiếng Anh	THPT Khương Đình		74.0		74.0	Trúng tuyển
105	GV1457	Phạm Hồng Anh	21/06/2001	Tiếng Anh	THPT Khương Đình		72.0		72.0	Trúng tuyển
106	GV1665	Đỗ Thị Minh Trà	13/03/1997	Tiếng Anh	THPT Khương Đình		71.0		71.0	Trúng tuyển
107	GV1458	Nguyễn Phương Anh	05/01/1998	Tiếng Anh	THPT Khương Đình		70.5		70.5	Trúng tuyển
108	GV1577	Nguyễn Thị Luyến	22/12/1990	Tiếng Anh	THPT Khương Đình		70.0		70.0	Trúng tuyển
109	GV1446	Nguyễn Thị Thu	08/09/1997	Tin học	THPT Khương Đình		68.0		68.0	Trúng tuyển
110	GV0157	Nguyễn Thị Mai Hương	30/07/2000	Toán học	THPT Khương Đình	10 - Con thương binh	74.5	5.0	79.5	Trúng tuyển
111	GV0203	Hoàng Thị Lan	22/11/1996	Toán học	THPT Khương Đình		77.5		77.5	Trúng tuyển
112	GV0250	Nguyễn Thành Long	09/09/1995	Toán học	THPT Khương Đình		76.0		76.0	Trúng tuyển
113	GV0628	Nguyễn Thọ Duy	17/09/2000	Vật lý	THPT Khương Đình		93.0		93.0	Trúng tuyển
114	GV0767	Nguyễn Ngọc Linh	07/09/1998	Địa lý	TH, THCS và THPT Khương Hạ		83.0		83.0	Trúng tuyển
115	GV1009	Đào Thị Thu Ngân	08/07/1990	Lịch sử	TH, THCS và THPT Khương Hạ		66.5		66.5	Trúng tuyển
116	GV0859	Bùi Ngọc Anh	13/11/1998	Mỹ thuật	TH, THCS và THPT Khương Hạ		67.0		67.0	Trúng tuyển
117	GV1110	Nguyễn Thanh Hải	05/11/2000	Ngữ văn	TH, THCS và THPT Khương Hạ		60.0		60.0	Trúng tuyển
118	GV1096	Đoàn Hương Giang	10/02/2001	Ngữ văn	TH, THCS và THPT Khương Hạ		57.5		57.5	Trúng tuyển
119	GV1513	Nguyễn Thị Minh Hạnh	12/05/2000	Tiếng Anh	TH, THCS và THPT Khương Hạ		63.0		63.0	Trúng tuyển
120	GV1641	Võ Hương Thảo	20/09/2000	Tiếng Anh	TH, THCS và THPT Khương Hạ		55.5		55.5	Trúng tuyển
121	GV0332	Bùi Thị Bích Phương	16/08/1989	Toán học	TH, THCS và THPT Khương Hạ		72.5		72.5	Trúng tuyển
122	GV0651	Đỗ Thị Lan Hương	10/05/1998	Vật lý	TH, THCS và THPT Khương Hạ		81.5		81.5	Trúng tuyển
123	GV0960	Nguyễn Minh Trang	04/03/1997	Công nghệ_KTCN	THPT Kim Liên		75.5		75.5	Trúng tuyển
124	GV0860	Đỗ Hoàng Anh	06/06/1992	Mỹ thuật	THPT Lê Lợi	10 - Con thương binh	63.0	5.0	68.0	Trúng tuyển
125	GV0932	Nguyễn Thị Hương	26/07/1992	Âm nhạc	THPT Lê Quý Đôn - Hà Đông		86.0		86.0	Trúng tuyển
126	NV1704	Hoàng Đức Long	12/10/1991	Công nghệ thông tin	THPT Lê Quý Đôn - Đống Đa		80.0		80.0	Trúng tuyển
127	GV1609	Đỗ Lê Diễm Ngọc	01/12/1999	Tiếng Anh	THPT Lê Quý Đôn - Đống Đa		71.0		71.0	Trúng tuyển
128	GV0915	Nguyễn Thị Thắm	17/01/1997	Giáo dục Kinh tế - Pháp luật	THPT Liên Hà		69.0		69.0	Trúng tuyển
129	NV1709	Lê Có Được	18/11/1993	Thiết bị thí nghiệm	THPT Liên Hà		91.0		91.0	Trúng tuyển
130	GV1500	Hoàng Thị Thu Hà	09/09/1988	Tiếng Anh	THPT Liên Hà		60.0		60.0	Trúng tuyển
131	GV1028	Nguyễn Thị Trang	06/05/1985	Lịch sử	THPT Lưu Hoàng		69.5		69.5	Trúng tuyển
132	GV1426	Nguyễn Thị Thúy	26/01/1990	Sinh học	THPT Lưu Hoàng		53.5		53.5	Trúng tuyển
133	GV1516	Hoàng Thị Minh Hào	28/06/1997	Tiếng Anh	THPT Lưu Hoàng		62.0		62.0	Trúng tuyển

STT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Vị trí dự tuyển	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Đối tượng ưu tiên	Điểm bài thi viết	Điểm ưu tiên	Tổng điểm	Kết quả
134	GV1548	Trịnh Thị Lan	07/07/1997	Tiếng Anh	THPT Lý Tử Tấn		61.5		61.5	Trúng tuyển
135	GV0972	Lê Thị Dung	03/10/1995	Lịch sử	THPT Mê Linh		62.0		62.0	Trúng tuyển
136	GV0861	Lương Thị Ngọc Anh	05/10/1994	Mỹ thuật	THPT Mê Linh		73.0		73.0	Trúng tuyển
137	GV0782	Phí Thị Thương	02/07/1998	Địa lý	THPT Minh Hà		76.0		76.0	Trúng tuyển
138	GV0898	Nguyễn Thị Thu Hương	13/09/1998	Giáo dục Kinh tế - Pháp luật	THPT Minh Hà		77.0		77.0	Trúng tuyển
139	GV0840	Nguyễn Thị Thu Phương	22/10/1991	Giáo dục Quốc phòng - An ninh	THPT Minh Hà		89.0		89.0	Trúng tuyển
140	GV0813	Nguyễn Anh Tuấn	06/10/1997	Giáo dục thể chất	THPT Minh Hà		51.8		51.8	Trúng tuyển
141	GV1016	Lê Thị Hồng Sơn	25/07/1997	Lịch sử	THPT Minh Hà	10 - Con thương binh	68.0	5.0	73.0	Trúng tuyển
142	GV0876	Nguyễn Thị Nguyệt	22/12/1988	Mỹ thuật	THPT Minh Hà		79.5		79.5	Trúng tuyển
143	GV1313	Đỗ Thị Thảo	01/09/1997	Ngữ văn	THPT Minh Hà		77.0		77.0	Trúng tuyển
144	GV1244	Nguyễn Thị Hằng Nga	24/11/1999	Ngữ văn	THPT Minh Hà		68.0		68.0	Trúng tuyển
145	GV1534	Đỗ Thị Huệ	23/01/1996	Tiếng Anh	THPT Minh Hà		67.0		67.0	Trúng tuyển
146	GV1462	Nguyễn Thị Thảo Anh	30/09/1997	Tiếng Anh	THPT Minh Hà		66.5		66.5	Trúng tuyển
147	GV1445	Nguyễn Thị Thoan	11/04/1999	Tin học	THPT Minh Hà		63.5		63.5	Trúng tuyển
148	GV0128	Mai Trọng Hiếu	17/08/1992	Toán học	THPT Minh Hà		73.0		73.0	Trúng tuyển
149	GV0961	Đào Thị Hân	20/06/1997	Công nghệ_KTNN	THPT Minh Khai		78.5		78.5	Trúng tuyển
150	GV0579	Nguyễn Thị Quỳnh Thơ	18/03/1994	Hóa học	THPT Minh Khai		79.3		79.3	Trúng tuyển
151	GV0870	Đào Thị Hiền	03/08/1992	Mỹ thuật	THPT Minh Khai		81.5		81.5	Trúng tuyển
152	GV1172	Nguyễn Thị Mai Hương	11/07/1998	Ngữ văn	THPT Minh Khai		72.5		72.5	Trúng tuyển
153	GV0387	Nguyễn Thị Phương Thảo	16/05/1998	Toán học	THPT Minh Khai		80.0		80.0	Trúng tuyển
154	NV1716	Trần Thị Trọng	05/09/1989	Thư viện	THPT Minh Phú		80.5		80.5	Trúng tuyển
155	GV0923	Đặng Thùy Dung	13/12/1996	Âm nhạc	THPT Minh Quang	5 - Dân tộc thiểu số	68.5	5.0	73.5	Trúng tuyển
156	GV1535	Đào Thị Thu Hương	16/02/1989	Tiếng Anh	THPT Minh Quang		64.5		64.5	Trúng tuyển
157	GV1549	Hoàng Thị Lan	27/12/1986	Tiếng Anh	THPT Minh Quang		60.5		60.5	Trúng tuyển
158	GV0937	Bùi Thị Ngọc Mến	11/01/1991	Âm nhạc	THPT Mỹ Đình		63.0		63.0	Trúng tuyển
159	GV0768	Nguyễn Thị Hương Ly	27/07/1996	Địa lý	THPT Mỹ Đình		81.5		81.5	Trúng tuyển
160	GV0902	Nguyễn Thị Khánh Linh	23/07/2001	Giáo dục Kinh tế - Pháp luật	THPT Mỹ Đình		66.0		66.0	Trúng tuyển
161	GV0841	Nguyễn Thị Phương	11/07/1996	Giáo dục Quốc phòng - An ninh	THPT Mỹ Đình		84.0		84.0	Trúng tuyển
162	GV0793	Đặng Huy Chương	03/10/2001	Giáo dục thể chất	THPT Mỹ Đình		66.5		66.5	Trúng tuyển
163	GV0795	Bùi Văn Điền	17/10/1984	Giáo dục thể chất	THPT Mỹ Đình	5 - Dân tộc thiểu số	53.5	5.0	58.5	Trúng tuyển
164	GV0555	Nguyễn Thị Thanh Nhâm	05/03/1992	Hóa học	THPT Mỹ Đình		86.5		86.5	Trúng tuyển
165	GV1100	Lưu Thị Thu Giang	19/10/2001	Ngữ văn	THPT Mỹ Đình		78.0		78.0	Trúng tuyển
166	GV1610	Nguyễn Hồng Ngọc	16/04/1997	Tiếng Anh	THPT Mỹ Đình		75.0		75.0	Trúng tuyển
167	GV1629	Nguyễn Thị Minh Phương	27/09/1996	Tiếng Anh	THPT Mỹ Đình		68.0		68.0	Trúng tuyển

STT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Vị trí dự tuyển	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Đối tượng ưu tiên	Điểm bài thi viết	Điểm ưu tiên	Tổng điểm	Kết quả
168	GV1653	Nguyễn Lâm Thương	24/10/2001	Tiếng Anh	THPT Mỹ Đình		68.0		68.0	Trúng tuyển
169	GV1437	Lê Minh Hiền	07/10/1997	Tin học	THPT Mỹ Đình		65.0		65.0	Trúng tuyển
170	GV1442	Nghiêm Thị Hà Nam	19/07/1984	Tin học	THPT Mỹ Đình	11 - Con bệnh binh	53.5	5.0	58.5	Trúng tuyển
171	GV0799	Nguyễn Thị Hạnh	18/09/2000	Giáo dục thể chất	THPT Mỹ Đức C		62.8		62.8	Trúng tuyển
172	GV1369	Phạm Thị Tuyết	02/07/1997	Ngữ văn	THPT Ngọc Hồi		72.0		72.0	Trúng tuyển
173	GV1511	Nguyễn Thị Thu Hằng	08/09/1999	Tiếng Anh	THPT Ngọc Hồi		63.0		63.0	Trúng tuyển
174	GV0868	Kiều Thị Hằng	22/01/1986	Mỹ thuật	THPT Ngọc Tảo		75.5		75.5	Trúng tuyển
175	GV1512	Phạm Thu Hằng	16/06/1992	Tiếng Anh	THPT Nguyễn Du - Thanh Oai		62.0		62.0	Trúng tuyển
176	GV1081	Nguyễn Thị Hạnh Chi	13/11/2001	Ngữ văn	THPT Nguyễn Gia Thiều		58.0		58.0	Trúng tuyển
177	GV0959	Lưu Thị Quyên	23/05/1995	Công nghệ_KTCN	THPT Nguyễn Quốc Trinh		61.5		61.5	Trúng tuyển
178	GV0779	Đặng Hoài Sơn	12/01/1998	Địa lý	THPT Nguyễn Quốc Trinh		81.0		81.0	Trúng tuyển
179	GV0766	Thăng Thị Lê	20/08/2000	Địa lý	THPT Nguyễn Quốc Trinh	5 - Dân tộc thiểu số	69.0	5.0	74.0	Trúng tuyển
180	GV0757	Nguyễn Thu Hiền	23/05/2001	Địa lý	THPT Nguyễn Quốc Trinh		71.5		71.5	Trúng tuyển
181	GV0899	Đinh Thị Huyền	20/09/1991	Giáo dục Kinh tế - Pháp luật	THPT Nguyễn Quốc Trinh		78.0		78.0	Trúng tuyển
182	GV0903	Đỗ Thị Mỹ Linh	30/07/1997	Giáo dục Kinh tế - Pháp luật	THPT Nguyễn Quốc Trinh		77.0		77.0	Trúng tuyển
183	GV0904	Đinh Thị Thùy Linh	08/06/1997	Giáo dục Kinh tế - Pháp luật	THPT Nguyễn Quốc Trinh		59.0		59.0	Trúng tuyển
184	GV0818	Đoàn Thị Diễm	29/05/1997	Giáo dục Quốc phòng - An ninh	THPT Nguyễn Quốc Trinh		85.0		85.0	Trúng tuyển
185	GV0790	Nguyễn Văn Nam Anh	17/06/1999	Giáo dục thể chất	THPT Nguyễn Quốc Trinh		59.0		59.0	Trúng tuyển
186	GV0802	Trương Văn Hùng	12/02/1995	Giáo dục thể chất	THPT Nguyễn Quốc Trinh		59.0		59.0	Trúng tuyển
187	GV0807	Nguyễn Thị Thuỳ Ninh	01/11/1991	Giáo dục thể chất	THPT Nguyễn Quốc Trinh		55.0		55.0	Trúng tuyển
188	GV0546	Vũ Thị Thanh Nga	15/11/1996	Hóa học	THPT Nguyễn Quốc Trinh		74.0		74.0	Trúng tuyển
189	GV0592	Ngô Thị Ngọc Trâm	12/10/2000	Hóa học	THPT Nguyễn Quốc Trinh		74.0		74.0	Trúng tuyển
190	GV0993	Phạm Thị Hường	24/10/1990	Lịch sử	THPT Nguyễn Quốc Trinh	5 - Dân tộc thiểu số	57.5	5.0	62.5	Trúng tuyển
191	GV0966	Phạm Thị Hồng Anh	21/05/1995	Lịch sử	THPT Nguyễn Quốc Trinh		61.0		61.0	Trúng tuyển
192	GV0987	Hà Thị Huế	06/08/1990	Lịch sử	THPT Nguyễn Quốc Trinh	5 - Dân tộc thiểu số	55.0	5.0	60.0	Trúng tuyển
193	GV1326	Nguyễn Thị Thu	07/03/1994	Ngữ văn	THPT Nguyễn Quốc Trinh		67.5		67.5	Trúng tuyển
194	GV1270	Lê Thị Hồng Nhung	30/06/1997	Ngữ văn	THPT Nguyễn Quốc Trinh		60.5		60.5	Trúng tuyển
195	GV1384	Trần Thị Ngọc Bích	14/06/1991	Sinh học	THPT Nguyễn Quốc Trinh		78.0		78.0	Trúng tuyển
196	GV1404	Nguyễn Thị Thu Huyền	05/10/1994	Sinh học	THPT Nguyễn Quốc Trinh		75.0		75.0	Trúng tuyển
197	GV1395	Nguyễn Thị Thu Hè	04/10/1985	Sinh học	THPT Nguyễn Quốc Trinh		74.0		74.0	Trúng tuyển
198	GV1495	Phạm Thu Giang	18/10/1995	Tiếng Anh	THPT Nguyễn Quốc Trinh		78.0		78.0	Trúng tuyển
199	GV1636	Nguyễn Thuý Quỳnh	22/09/2001	Tiếng Anh	THPT Nguyễn Quốc Trinh		71.0		71.0	Trúng tuyển
200	GV1590	Đoàn Văn Mạnh	19/09/1998	Tiếng Anh	THPT Nguyễn Quốc Trinh		68.5		68.5	Trúng tuyển
201	GV1481	Lê Thị Thu Dung	26/11/1997	Tiếng Anh	THPT Nguyễn Quốc Trinh		68.0		68.0	Trúng tuyển

STT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Vị trí dự tuyển	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Đối tượng ưu tiên	Điểm bài thi viết	Điểm ưu tiên	Tổng điểm	Kết quả
202	GV1673	Chữ Hạnh Trang	28/01/1992	Tiếng Anh	THPT Nguyễn Quốc Trinh		65.5		65.5	Trúng tuyển
203	GV1589	Nguyễn Thị Mận	07/07/1992	Tiếng Anh	THPT Nguyễn Quốc Trinh		61.5		61.5	Trúng tuyển
204	GV1631	Hoàng Thị Minh Phượng	08/06/1992	Tiếng Anh	THPT Nguyễn Quốc Trinh		56.0		56.0	Trúng tuyển
205	GV1658	Hoàng Thị Thúy	11/11/1996	Tiếng Anh	THPT Nguyễn Quốc Trinh		54.5		54.5	Trúng tuyển
206	GV1440	Nguyễn Thị Dạ Lệ	24/09/1996	Tin học	THPT Nguyễn Quốc Trinh		60.0		60.0	Trúng tuyển
207	GV0229	Phùng Thị Diệu Linh	16/02/1999	Toán học	THPT Nguyễn Quốc Trinh		76.0		76.0	Trúng tuyển
208	GV0389	Nguyễn Phương Thảo	11/12/1998	Toán học	THPT Nguyễn Quốc Trinh		75.0		75.0	Trúng tuyển
209	GV0070	Đào Thị Thanh Dung	10/05/1994	Toán học	THPT Nguyễn Quốc Trinh		74.5		74.5	Trúng tuyển
210	GV0125	Nguyễn Đức Hiệp	21/10/1996	Toán học	THPT Nguyễn Quốc Trinh		73.5		73.5	Trúng tuyển
211	GV0667	Nguyễn Thị Lan	19/03/1993	Vật lý	THPT Nguyễn Quốc Trinh		87.0		87.0	Trúng tuyển
212	GV0921	Nguyễn Huyền An	28/03/1995	Âm nhạc	THPT Nguyễn Thị Minh Khai		50.0		50.0	Trúng tuyển
213	NV1713	Nguyễn Thị Giang Hoa	01/10/1984	Thư viện	THPT Nguyễn Thị Minh Khai		72.5		72.5	Trúng tuyển
214	GV1505	Mai Thu Hà	21/05/2000	Tiếng Anh	THPT Nguyễn Thị Minh Khai		64.0		64.0	Trúng tuyển
215	NV1701	Lê Duy Cường	20/12/1989	Công nghệ thông tin	THPT Nguyễn Trãi - Ba Đình		81.0		81.0	Trúng tuyển
216	GV0953	Nguyễn Ngọc Châm	26/01/1997	Công nghệ_KTCN	THPT Nguyễn Trãi - Thường Tín		62.5		62.5	Trúng tuyển
217	GV0847	Bùi Đình Thành	07/12/1997	Giáo dục Quốc phòng - An ninh	THPT Nguyễn Trãi - Thường Tín		62.0		62.0	Trúng tuyển
218	GV0812	Trần Ngọc Tiên	28/10/1999	Giáo dục thể chất	THPT Nguyễn Trãi - Thường Tín		51.5		51.5	Trúng tuyển
219	GV0598	Lưu Thu Trang	26/08/1995	Hóa học	THPT Nguyễn Trãi - Thường Tín		86.0		86.0	Trúng tuyển
220	GV0520	Đỗ Khắc Hùng	07/09/1995	Hóa học	THPT Nguyễn Trãi - Thường Tín		84.0		84.0	Trúng tuyển
221	GV0929	Nguyễn Thị Hiền	24/11/1993	Âm nhạc	THPT Nguyễn Văn Cừ		61.5		61.5	Trúng tuyển
222	GV0830	Bùi Nho Hiếu	01/11/1993	Giáo dục Quốc phòng - An ninh	THPT Nguyễn Văn Cừ		78.0		78.0	Trúng tuyển
223	GV0986	Lê Ánh Hồng	15/03/1987	Lịch sử	THPT Nguyễn Văn Cừ		68.5		68.5	Trúng tuyển
224	GV1398	Đặng Thị Minh Hồng	22/10/1999	Sinh học	THPT Nguyễn Văn Cừ		77.5		77.5	Trúng tuyển
225	GV1520	Chu Thị Hiền	01/10/1998	Tiếng Anh	THPT Nguyễn Văn Cừ		68.5		68.5	Trúng tuyển
226	GV0144	Nguyễn Thị Huệ	27/03/1991	Toán học	THPT Nguyễn Văn Cừ		75.0		75.0	Trúng tuyển
227	GV0747	Trần Quang Dự	15/10/1999	Địa lý	THPT Nguyễn Văn Trỗi		65.0		65.0	Trúng tuyển
228	GV0912	Nguyễn Thị Quỳnh	29/02/1992	Giáo dục Kinh tế - Pháp luật	THPT Nguyễn Văn Trỗi		73.0		73.0	Trúng tuyển
229	GV0896	Nguyễn Thu Hiền	30/08/1993	Giáo dục Kinh tế - Pháp luật	THPT Nguyễn Văn Trỗi		55.0		55.0	Trúng tuyển
230	GV0851	Trần Thị Trang	22/03/1991	Giáo dục Quốc phòng - An ninh	THPT Nguyễn Văn Trỗi		82.5		82.5	Trúng tuyển
231	GV0849	Hoàng Thị Thu	04/12/1990	Giáo dục Quốc phòng - An ninh	THPT Nguyễn Văn Trỗi		76.5		76.5	Trúng tuyển
232	GV0792	Đinh Văn Cảnh	20/03/1997	Giáo dục thể chất	THPT Nguyễn Văn Trỗi		86.5		86.5	Trúng tuyển
233	GV1033	Nguyễn Thị Trinh	08/11/1996	Lịch sử	THPT Nguyễn Văn Trỗi		79.0		79.0	Trúng tuyển
234	GV0982	Đoàn Thị Hạnh	11/07/1985	Lịch sử	THPT Nguyễn Văn Trỗi	11 - Con bệnh binh	71.5	5.0	76.5	Trúng tuyển
235	GV1004	Trần Thị Mai	03/09/1990	Lịch sử	THPT Nguyễn Văn Trỗi		68.5		68.5	Trúng tuyển

STT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Vị trí dự tuyển	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Đối tượng ưu tiên	Điểm bài thi viết	Điểm ưu tiên	Tổng điểm	Kết quả
236	GV1114	Nguyễn Thị Hằng	28/12/1985	Ngữ văn	THPT Nguyễn Văn Trỗi		72.0		72.0	Trúng tuyển
237	GV1214	Trần Hiếu Linh	28/11/2000	Ngữ văn	THPT Nguyễn Văn Trỗi		70.5		70.5	Trúng tuyển
238	GV1237	Ngô Thị Mai	09/08/1999	Ngữ văn	THPT Nguyễn Văn Trỗi		68.5		68.5	Trúng tuyển
239	GV1192	Triệu Thị Lâm	12/08/1992	Ngữ văn	THPT Nguyễn Văn Trỗi	5 - Dân tộc thiểu số	61.5	5.0	66.5	Trúng tuyển
240	GV1382	Phạm Minh Anh	21/08/2000	Sinh học	THPT Nguyễn Văn Trỗi		70.5		70.5	Trúng tuyển
241	GV1433	Lê Thị Yến	05/03/1996	Sinh học	THPT Nguyễn Văn Trỗi		67.5		67.5	Trúng tuyển
242	GV1587	Phạm Thị Tuyết Mai	10/02/2000	Tiếng Anh	THPT Nguyễn Văn Trỗi		69.5		69.5	Trúng tuyển
243	GV1655	Nguyễn Thanh Thuý	05/05/1994	Tiếng Anh	THPT Nguyễn Văn Trỗi		67.5		67.5	Trúng tuyển
244	GV1684	Nguyễn Thị Hải Vân	23/07/1998	Tiếng Anh	THPT Nguyễn Văn Trỗi		64.5		64.5	Trúng tuyển
245	GV1603	Nguyễn Thị Kim Ngân	24/01/1997	Tiếng Anh	THPT Nguyễn Văn Trỗi		61.5		61.5	Trúng tuyển
246	GV1438	Nguyễn Thị Mai Hương	01/06/1998	Tin học	THPT Nguyễn Văn Trỗi		70.0		70.0	Trúng tuyển
247	GV1448	Lê Thị Tuyết	19/08/1998	Tin học	THPT Nguyễn Văn Trỗi		59.5		59.5	Trúng tuyển
248	GV0303	Phạm Thị Hồng Ngọc	09/01/1996	Toán học	THPT Nguyễn Văn Trỗi		82.0		82.0	Trúng tuyển
249	GV0283	Phùng Văn Nam	16/06/1997	Toán học	THPT Nguyễn Văn Trỗi		78.0		78.0	Trúng tuyển
250	GV0447	Vũ Thị Huyền Trang	27/09/2001	Toán học	THPT Nguyễn Văn Trỗi		75.0		75.0	Trúng tuyển
251	GV0736	Hoàng Thị Linh Xuân	27/04/1991	Vật lý	THPT Nguyễn Văn Trỗi		76.0		76.0	Trúng tuyển
252	GV0675	Phùng Thị Linh	20/08/1997	Vật lý	THPT Nguyễn Văn Trỗi		74.0		74.0	Trúng tuyển
253	NV1710	Phạm Đức Hiếu	27/03/1985	Thiết bị thí nghiệm	THPT Nhân Chính		77.0		77.0	Trúng tuyển
254	NV1718	Lê Thị Vân Anh	15/06/1992	Văn thư	THPT Phan Đình Phùng		56.5		56.5	Trúng tuyển
255	GV0905	Nguyễn Thị Mỹ Linh	22/12/1999	Giáo dục Kinh tế - Pháp luật	THPT Phan Huy Chú- Quốc Oai		67.0		67.0	Trúng tuyển
256	GV0514	Vũ Thị Thanh Hoa	01/05/1992	Hóa học	THPT Phan Huy Chú- Quốc Oai		78.7		78.7	Trúng tuyển
257	GV0880	Phí Thị Thuýết	13/12/1989	Mỹ thuật	THPT Phan Huy Chú- Quốc Oai		68.0		68.0	Trúng tuyển
258	GV1360	Trần Thị Thùy Trang	26/02/1998	Ngữ văn	THPT Phan Huy Chú- Quốc Oai		58.0		58.0	Trúng tuyển
259	GV1066	Trần Thu Anh	21/08/2000	Ngữ văn	THPT Phan Huy Chú- Quốc Oai		56.0		56.0	Trúng tuyển
260	GV1478	Đỗ Thị Diễm	05/05/1988	Tiếng Anh	THPT Phan Huy Chú- Quốc Oai		53.5		53.5	Trúng tuyển
261	GV1612	Trần Thị Kim Ngọc	05/08/1995	Tiếng Anh	THPT Phan Huy Chú- Quốc Oai		53.0		53.0	Trúng tuyển
262	GV1435	Nguyễn Quang Đạt	20/02/1999	Tin học	THPT Phan Huy Chú- Quốc Oai		72.0		72.0	Trúng tuyển
263	GV0162	Phan Thị Thanh Hương	25/05/1990	Toán học	THPT Phan Huy Chú- Quốc Oai		66.5		66.5	Trúng tuyển
264	GV0173	Kiều Văn Huy	26/05/2001	Toán học	THPT Phan Huy Chú- Quốc Oai		66.0		66.0	Trúng tuyển
265	GV0952	Nguyễn Thị Yến	24/04/1994	Âm nhạc	THPT Phú Xuyên A		76.0		76.0	Trúng tuyển
266	GV1279	Vũ Kiều Oanh	25/01/1994	Ngữ văn	THPT Phú Xuyên A		67.0		67.0	Trúng tuyển
267	GV0787	Đỗ Thị Kiều Trang	06/08/1991	Địa lý	THPT Phú Xuyên B		72.0		72.0	Trúng tuyển
268	GV0906	Vũ Thị Luyến	12/08/1997	Giáo dục Kinh tế - Pháp luật	THPT Phú Xuyên B		56.5		56.5	Trúng tuyển
269	GV1010	Nguyễn Thị Tiểu Ngọc	01/08/1992	Lịch sử	THPT Phú Xuyên B		62.0		62.0	Trúng tuyển

STT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Vị trí dự tuyển	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Đối tượng ưu tiên	Điểm bài thi viết	Điểm ưu tiên	Tổng điểm	Kết quả
270	GV0822	Nguyễn Danh Dương	30/09/1998	Giáo dục Quốc phòng - An ninh	THPT Phúc Lợi		79.0		79.0	Trúng tuyển
271	GV0797	Phan Long Hải	18/05/1997	Giáo dục thể chất	THPT Phúc Lợi		58.7		58.7	Trúng tuyển
272	GV1286	Nguyễn Mai Phương	15/12/2000	Ngữ văn	THPT Phúc Lợi		66.0		66.0	Trúng tuyển
273	GV1069	Đoàn Phương Anh	16/04/1999	Ngữ văn	THPT Phúc Lợi		66.0		66.0	Trúng tuyển
274	GV1415	Phạm Thị Thuý Ngà	25/08/2000	Sinh học	THPT Phúc Lợi		68.0		68.0	Trúng tuyển
275	GV1689	Nguyễn Hải Yên	12/04/1991	Tiếng Anh	THPT Phúc Lợi		52.0		52.0	Trúng tuyển
276	GV0042	Bùi Thị Phương Chi	26/03/1997	Toán học	THPT Phúc Lợi		72.5		72.5	Trúng tuyển
277	GV1418	Nguyễn Thị Phương	26/11/1992	Sinh học	THPT Phúc Thọ		90.0		90.0	Trúng tuyển
278	GV0877	Kiều Thị Oanh	08/06/1991	Mỹ thuật	THPT Phùng Khắc Khoan		77.5		77.5	Trúng tuyển
279	GV1625	Nguyễn Thị Nụ	04/05/1987	Tiếng Anh	THPT Quảng Oai		71.0		71.0	Trúng tuyển
280	GV0936	Tạ Thị Mây	18/10/1997	Âm nhạc	THPT Quang Trung - Hà Đông		61.5		61.5	Trúng tuyển
281	GV0944	Nguyễn Thị Thúy	30/05/1994	Âm nhạc	THPT Quốc Oai		52.0		52.0	Trúng tuyển
282	GV0933	Hoàng Thị Hương	25/10/1993	Âm nhạc	THPT Sóc Sơn		60.0		60.0	Trúng tuyển
283	NV1706	Nguyễn Thị Thúy Tình	18/08/1988	Công nghệ thông tin	THPT Sóc Sơn		67.0		67.0	Trúng tuyển
284	GV1553	Nguyễn Thị Lệ	07/05/1995	Tiếng Anh	THPT Sóc Sơn		50.0		50.0	Trúng tuyển
285	GV0864	Lã Hương Giang	24/09/1993	Mỹ thuật	THPT Sơn Tây		53.0		53.0	Trúng tuyển
286	GV0719	Nguyễn Thị Kim Thư	06/10/1995	Vật lý	THPT Sơn Tây		76.5		76.5	Trúng tuyển
287	GV1588	Lê Thị Thanh Mai	23/01/1992	Tiếng Anh	THPT Tân Dân		64.5		64.5	Trúng tuyển
288	GV1091	Đỗ Mạnh Dũng	13/09/1999	Ngữ văn	THPT Tân Lập		63.0		63.0	Trúng tuyển
289	GV0940	Ngô Thị Kim Oanh	26/04/1989	Âm nhạc	THPT Tây Hồ		74.5		74.5	Trúng tuyển
290	NV1700	Phạm Đình Chung	24/04/1986	Công nghệ thông tin	THPT Tây Hồ		50.0		50.0	Trúng tuyển
291	GV1315	Nguyễn Thị Minh Thảo	31/12/2000	Ngữ văn	THPT Tây Hồ		75.0		75.0	Trúng tuyển
292	NV1712	Nguyễn Mạnh Tuấn	14/01/1988	Thiết bị thí nghiệm	THPT Thạch Bàn		90.0		90.0	Trúng tuyển
293	GV1523	Hoàng Thị Hiền	29/09/1991	Tiếng Anh	THPT Thạch Bàn		62.0		62.0	Trúng tuyển
294	GV1650	Ngô Thị Thu	26/11/1992	Tiếng Anh	THPT Thạch Bàn		55.5		55.5	Trúng tuyển
295	GV1439	Lê Thị Thu Hường	27/10/1985	Tin học	THPT Thạch Bàn		89.5		89.5	Trúng tuyển
296	GV1570	Nguyễn Hải Linh	12/01/1998	Tiếng Anh	THPT Thăng Long		64.0		64.0	Trúng tuyển
297	GV0366	Lê Anh Thắng	13/07/1999	Toán học	THPT Thăng Long		71.0		71.0	Trúng tuyển
298	GV0506	Trương Thúy Hằng	10/06/1997	Hóa học	THPT Thanh Oai A		87.5		87.5	Trúng tuyển
299	GV0871	Phùng Thị Thanh Hoa	27/05/1988	Mỹ thuật	THPT Thanh Oai A		72.0		72.0	Trúng tuyển
300	GV1652	Đỗ Thị Thanh Thư	21/03/1992	Tiếng Anh	THPT Thanh Oai A		75.5		75.5	Trúng tuyển
301	GV0927	Vũ Thị Hà	16/04/1986	Âm nhạc	THPT Thanh Oai B		51.5		51.5	Trúng tuyển
302	GV0957	Đinh Thị Thanh Huyền	09/12/1997	Công nghệ_KTCN	THPT Thượng Cát		61.0		61.0	Trúng tuyển
303	GV0820	Bùi Đình Đức	19/08/1996	Giáo dục Quốc phòng - An ninh	THPT Thượng Cát		84.0		84.0	Trúng tuyển

STT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Vị trí dự tuyển	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Đối tượng ưu tiên	Điểm bài thi viết	Điểm ưu tiên	Tổng điểm	Kết quả
304	GV0924	Tô Thi Dung	03/07/1997	Âm nhạc	THPT Tiền Phong		57.0		57.0	Trúng tuyển
305	GV0918	Phạm Thị Lan Thơm	13/01/1997	Giáo dục Kinh tế - Pháp luật	THPT Tô Hiệu - Thường Tín		72.0		72.0	Trúng tuyển
306	GV0879	Tạ Thị Thu Thủy	11/04/1995	Mỹ thuật	THPT Tô Hiệu - Thường Tín		66.5		66.5	Trúng tuyển
307	GV1607	Nghiêm Thị Hồng Ngát	05/12/1993	Tiếng Anh	THPT Tô Hiệu - Thường Tín		53.0		53.0	Trúng tuyển
308	GV0942	Nguyễn Thị Sáu	20/04/1988	Âm nhạc	THPT Trần Đăng Ninh	15 - Con đẻ của người hoạt động	55.5	5.0	60.5	Trúng tuyển
309	GV0941	Hoàng Thị Phương	27/07/1993	Âm nhạc	THPT Trần Hưng Đạo - Hà Đông		69.0		69.0	Trúng tuyển
310	GV0949	Hà Thị Minh Tuyền	22/03/1988	Âm nhạc	THPT Trần Hưng Đạo - Thanh Xuân		53.5		53.5	Trúng tuyển
311	GV1441	Lê Thị Diệu Minh	04/07/1977	Tin học	THPT Trần Hưng Đạo - Thanh Xuân		52.0		52.0	Trúng tuyển
312	GV0951	Vũ Thùy Vi	20/05/1999	Âm nhạc	THPT Trần Nhân Tông		58.0		58.0	Trúng tuyển
313	GV1582	Nguyễn Bảo Ly	26/02/1999	Tiếng Anh	THPT Trần Nhân Tông		80.5		80.5	Trúng tuyển
314	GV1468	Nguyễn Phương Anh	28/02/2000	Tiếng Anh	THPT Trần Nhân Tông		58.5		58.5	Trúng tuyển
315	GV0748	Nguyễn Thị Phương Dung	27/09/1996	Địa lý	THPT Trung Giã		66.0		66.0	Trúng tuyển
316	GV1287	Nguyễn Quỳnh Phương	13/03/1996	Ngữ văn	THPT Trung Giã		82.0		82.0	Trúng tuyển
317	GV1524	Đồng Thị Hiền	09/11/1999	Tiếng Anh	THPT Trung Giã		69.5		69.5	Trúng tuyển
318	GV0884	Nguyễn Thị Hoàng Yến	23/10/1993	Mỹ thuật	THPT Trung Văn		81.5		81.5	Trúng tuyển
319	GV0837	Phùng Thị Thúy Nga	17/08/1998	Giáo dục Quốc phòng - An ninh	THPT Trương Định		91.0		91.0	Trúng tuyển
320	NV1708	Nguyễn Thành Đạt	31/12/1993	Thiết bị thí nghiệm	THPT Trương Định		68.5		68.5	Trúng tuyển
321	GV1392	Triệu Thị Hằng	04/11/1992	Sinh học	THPT Tự Lập		68.5		68.5	Trúng tuyển
322	GV0878	Nguyễn Thị Phương Thảo	07/05/1996	Mỹ thuật	THPT Ứng Hoà A		77.5		77.5	Trúng tuyển
323	GV0865	Nguyễn Anh Giang	25/08/1989	Mỹ thuật	THPT Văn Cốc		78.0		78.0	Trúng tuyển
324	GV1179	Khuất Thị Lan Hương	18/09/1994	Ngữ văn	THPT Văn Cốc		73.0		73.0	Trúng tuyển
325	NV1703	Nguyễn Thị Liên	16/04/1995	Công nghệ thông tin	THPT Văn Tảo		72.0		72.0	Trúng tuyển
326	GV1073	Trần Ngọc Anh	17/10/2001	Ngữ văn	THPT Văn Tảo		74.0		74.0	Trúng tuyển
327	GV1217	Nguyễn Thị Vân Linh	02/09/1998	Ngữ văn	THPT Văn Tảo		71.0		71.0	Trúng tuyển
328	GV0934	Nguyễn Đức Kiên	24/03/1987	Âm nhạc	THPT Vạn Xuân - Hoài Đức		66.0		66.0	Trúng tuyển
329	GV0758	Lương Thị Hiền	29/09/1992	Địa lý	THPT Vạn Xuân - Hoài Đức		67.5		67.5	Trúng tuyển
330	GV1391	Nguyễn Thu Hải	17/12/1996	Sinh học	THPT Vạn Xuân - Hoài Đức		67.5		67.5	Trúng tuyển
331	GV0115	Ngô Thị Hạnh	12/12/1999	Toán học	THPT Vạn Xuân - Hoài Đức		70.5		70.5	Trúng tuyển
332	GV1470	Phạm Bảo Anh	31/10/1998	Tiếng Anh	THPT Việt Đức		77.0		77.0	Trúng tuyển
333	GV0238	Nguyễn Diệu Linh	17/12/1994	Toán học	THPT Việt Đức		74.0		74.0	Trúng tuyển
334	NV1721	Nguyễn Thị Lương	18/03/1989	Văn thư	THPT Việt Đức		58.5		58.5	Trúng tuyển
335	NV1707	Nguyễn Xuân Việt	30/10/1980	Công nghệ thông tin	THPT Việt Nam - Ba Lan		60.0		60.0	Trúng tuyển
336	GV0810	Vũ Văn Thành	07/12/1998	Giáo dục thể chất	THPT Việt Nam - Ba Lan		50.8		50.8	Trúng tuyển
337	GV1400	Vũ Thị Huế	29/03/1999	Sinh học	THPT Việt Nam - Ba Lan		69.5		69.5	Trúng tuyển

STT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Vị trí dự tuyển	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Đối tượng ưu tiên	Điểm bài thi viết	Điểm ưu tiên	Tổng điểm	Kết quả
338	GV1666	Nguyễn Thu Trà	19/03/2000	Tiếng Anh	THPT Việt Nam - Ba Lan		63.0		63.0	Trúng tuyển
339	GV0872	Bùi Thị Hồng	27/04/1987	Mỹ thuật	THPT Xuân Đình		81.0		81.0	Trúng tuyển
340	GV0839	Nguyễn Hồng Nhung	27/01/1995	Giáo dục Quốc phòng - An ninh	THPT Xuân Giang		84.5		84.5	Trúng tuyển
341	GV0344	Hà Thu Phương	01/01/1994	Toán học	THPT Xuân Giang		71.0		71.0	Trúng tuyển
342	NV1705	Vũ Thị Minh Phương	12/01/1987	Công nghệ thông tin	THPT Xuân Khanh		68.0		68.0	Trúng tuyển
343	GV0869	Chu Thị Thu Hằng	12/08/1987	Mỹ thuật	THPT Xuân Khanh		82.0		82.0	Trúng tuyển
344	GV1390	Đỗ Thị Ngân Hà	21/10/1994	Sinh học	THPT Xuân Khanh		68.5		68.5	Trúng tuyển
345	GV1530	Nguyễn Thị Hoa	27/06/1991	Tiếng Anh	THPT Xuân Khanh		63.5		63.5	Trúng tuyển
346	GV0954	Đỗ Thị Hồng Hạnh	05/08/1998	Công nghệ_KTCN	THPT Xuân Phương		64.0		64.0	Trúng tuyển
347	GV0845	Doãn Như Quỳnh	15/12/1995	Giáo dục Quốc phòng - An ninh	THPT Xuân Phương		82.0		82.0	Trúng tuyển
348	GV0805	Nguyễn Thành Long	01/02/1999	Giáo dục thể chất	THPT Xuân Phương		86.3		86.3	Trúng tuyển
349	GV0798	Khuất Thị Thu Hằng	02/10/2000	Giáo dục thể chất	THPT Xuân Phương		64.3		64.3	Trúng tuyển
350	GV0791	Nguyễn Minh Anh	26/02/1997	Giáo dục thể chất	THPT Xuân Phương		60.5		60.5	Trúng tuyển
351	GV1344	Nguyễn Thị Thanh Thủy	13/04/2000	Ngữ văn	THPT Xuân Phương		78.0		78.0	Trúng tuyển
352	GV1385	Vũ Minh Châu	09/07/1999	Sinh học	THPT Xuân Phương		75.0		75.0	Trúng tuyển
353	GV1515	Phi Thị Hạnh	23/03/1998	Tiếng Anh	THPT Xuân Phương		70.5		70.5	Trúng tuyển
354	GV1574	Lê Thị Hồng Loan	13/02/1996	Tiếng Anh	THPT Xuân Phương		63.5		63.5	Trúng tuyển
355	GV1546	Dương Khánh Huyền	25/04/1997	Tiếng Anh	THPT Xuân Phương		60.0		60.0	Trúng tuyển
356	GV1363	Dương Thị Linh Trang	28/02/1999	Ngữ văn	THPT Yên Hòa		80.0		80.0	Trúng tuyển
357	GV1606	Nguyễn Lê Kim Ngân	30/08/1993	Tiếng Anh	THPT Yên Hòa		62.0		62.0	Trúng tuyển
358	GV0032	Phạm Thị Ngọc Bích	08/09/2000	Toán học	THPT Yên Hòa		84.0		84.0	Trúng tuyển
359	GV1034	Vũ Thị Tuyết	28/09/1989	Lịch sử	THPT Yên Lãng		72.0		72.0	Trúng tuyển
360	GV0930	Ngô Việt Hoàng	19/12/2000	Âm nhạc	THPT Yên Viên		65.5		65.5	Trúng tuyển
361	GV0823	Nguyễn Khánh Duy	05/06/1983	Giáo dục Quốc phòng - An ninh	THPT Yên Viên	10 - Con thương binh	76.0	5.0	81.0	Trúng tuyển
362	GV1690	Nguyễn Phương Anh	14/09/1999	Giáo viên Mầm non	Trường MN Việt Triều Hữu nghị		81.0		81.0	Trúng tuyển
363	GV1691	Nguyễn Thị Cẩm Tiên	17/09/2001	Giáo viên Mầm non	Trường MN Việt Triều Hữu nghị		72.0		72.0	Trúng tuyển
364	GV1697	Nguyễn Thị Hoa	27/01/1992	Hóa học_THCS	Trường PTCS Xã Đàn		84.0		84.0	Trúng tuyển
365	GV1699	Tạ Mỹ Linh	13/12/1994	Toán học_THCS	Trường PTCS Xã Đàn		70.0		70.0	Trúng tuyển
366	GV1696	Nguyễn Thị Xuân	12/08/1986	Giáo viên Tiểu học	Trường TH Bình Minh		71.3		71.3	Trúng tuyển
367	GV1694	Nguyễn Thị Thuý Linh	18/12/1991	Giáo viên Tiểu học	Trường TH Bình Minh		67.5		67.5	Trúng tuyển
368	GV1695	Vũ Ánh Vân	31/10/1999	Giáo viên Tiểu học	Trường TH Bình Minh		64.5		64.5	Trúng tuyển
369	GV1692	Nguyễn Thị Quỳnh Châu	20/06/1997	Giáo viên Tiểu học	Trường TH Bình Minh		62.5		62.5	Trúng tuyển
370	GV1584	Nguyễn Thị Thanh Mai	22/12/1996	Tiếng Anh	THPT Hoài Đức C		64.0		64.0	Trúng tuyển